

**DANH SÁCH SINH VIÊN NHẬN HỌC
BỔNG HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2010-2011 - KHOA GDTH**
(Danh sách kèm theo Quyết định số
1690/QĐ-ĐHSP ngày 13.10.2011)

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	ĐT BH	Xếp loại học bổng	Mức tiền	Số tiền
1	K36.901.001	Phạm Anh Hông	25.11.91	3.369	300.000	1,50	0.00
2	K36.901.004	Nguyễn Anh Tuấn	26.04.92	3.228	300.000	1,50	0.00
3	K36.901.012	Hồ Duy Tân	25.10.92	3.339	300.000	1,50	0.00
4	K36.901.036	Nguyễn Khắc Thị Kiều	08.09.92	3.428	300.000	1,50	0.00
5	K36.901.047	Lâm My Lê	29.08.92	3.258	300.000	1,50	0.00
6	K36.901.060	Nguyễn Thị Ý	28.07.92	3.318	300.000	1,50	0.00
7	K36.901.062	Phạm Như Ngọc	04.11.92	3.318	300.000	1,50	0.00
8	K36.901.090	Nguyễn Thủ Y	27.08.92	3.318	300.000	1,50	0.00

9	K36Đoà Tra	03. 3.39 8	300.1,50
	.901 n H ng	11.	8 000 0.00
	.098uỳn	92	0
	h		
10	K36Huỳ Trú	31. 3.22 8	300.1,50
	.901 nh Tc	12.	8 000 0.00
	.109han	91	0
	h		
11	K36Ngu Hằn	24. 3.25 8	300.1,50
	.901 yễn g	04.	2 000 0.00
	.015 Thị	91	0
	Tuy		
	ết		
12	K36Vũ Hà	01. 3.31 8	300.1,50
	.901 Thị	10.	9 000 0.00
	.018	92	0
13	K36Ngu Huy	18. 3.44 9	300.1,50
	.901 yễn ền	03.	8 000 0.00
	.033 Thị	92	0
	Tha		
	nh		
14	K36Ngu Ly	22. 3.42 8	300.1,50
	.901 yễn	10.	1 000 0.00
	.043 Thị	92	0
	Khá		
	nh		
15	K36Phạ My	30. 3.19 7	240.1,20
	.901 m	04.	8 000 0.00
	.048 Trà	92	0
16	K36Trịn Thủ	21. 3.56 8	300.1,50
	.901 h y	02.	0 000 0.00
	.089 Thu	92	0
17	K36Lê Tra	16. 3.22 7	240.1,20
	.901 Ngu ng	12.	8 000 0.00
	.103 yễn	92	0
	Huy		
	ền		
18	K36Cao Trú	10. 3.22 9	300.1,50
	.901 Lê c	04.	0 000 0.00
	.108	92	0
19	K36Ngu Yễn	28. 3.28 7	240.1,20
	.901 yễn	05.	9 000 0.00
	.122 Thị	92	0
	Hoà		
	ng		
20	K35Ngu Hậ	03. 8.21 9	300.1,50
	.901 yễn h	06.	7 000 0.00
	.013 Thị	91	0
	Ngọ		
	c		

21	K35 Phạ Hà	05. 8.389	300.1,50
	.901 m	12.	3 000 0.00
	.016 Thị	91	0
	Vân		
22	K35 Tạ Lươ	17. 7.799	240.1,20
	.901 Thị ng	05.	2 000 0.00
	.037	91	0
23	K35 Trư Ngâ	16. 7.639	240.1,20
	.901 ong n	06.	5 000 0.00
	.043 Thị	91	0
	Thú		
	y		
24	K35 Đin Phư	16. 7.968	240.1,20
	.901 h ong	11.	2 000 0.00
	.062 Thị	91	0
	Ngọ		
	c		
25	K35 Huỳ Phư	23. 7.468	240.1,20
	.901 nh Pong	01.	2 000 0.00
	.063 han	91	0
	Diễn		
	m		
26	K35 Bùi Thà	23. 7.838	240.1,20
	.901 Thị nh	04.	2 000 0.00
	.072	90	0
27	K35 Lê Thà	20. 7.679	240.1,20
	.901 Thị o	10.	2 000 0.00
	.074	89	0
28	K35 Đào Thú	08. 7.929	240.1,20
	.901 Thị y	10.	5 000 0.00
	.076 Tha	90	0
	nh		
29	K35 Pha Thú	22. 7.428	240.1,20
	.901 n y	08.	2 000 0.00
	.077 Thị	91	0
	Ngọ		
	c		
30	K35 Lê Vân	02. 8.048	300.1,50
	.901 Hồn	11.	3 000 0.00
	.098 g	91	0
31	K35 Lê An	10. 7.548	240.1,20
	.901 Thị	09.	2 000 0.00
	.001 Phư	91	0
	ong		
32	K35 Ngu Bảo	07. 7.468	240.1,20
	.901 yễn	02.	7 000 0.00
	.006 Hà	91	0
	Việt		
33	K35 Huỳ Diễ	23. 7.757	240.1,20
	.901 nh m	03.	7 000 0.00

	.009	Thị	91		0
		Hoà			
		ng			
34	K35	Pha Hạng	18. 7.58 8	240.1,20	
	.901	n H h	04.	8 000	0.00
	.014	oàn	91		0
		g Ph			
		ước			
35	K35	Ngu Hà	30. 7.42 8	240.1,20	
	.901	yễn	07.	2 000	0.00
	.017	Hải	91		0
36	K35	KhurHiế	06. 7.50 8	240.1,20	
	.901	ơng u	07.	0 000	0.00
	.020	Thị	91		0
		nh			
37	K35	Lưu Huy	18. 7.42 8	240.1,20	
	.901	Hải ền	01.	7 000	0.00
	.025		91		0
38	K35	Ngu Tú	22. 7.75 8	240.1,20	
	.901	yễn	10.	2 000	0.00
	.096	Thị	91		0
		Min			
		h			
39	K35	Phạ Vũ	27. 7.42 9	240.1,20	
	.901	m T	06.	7 000	0.00
	.101	ườn	91		0
		g			
		Yến			
40	K34	Ngu An	20. 7.59 9	240.1,20	
	.901	yễn	09.	0 000	0.00
	.001	Ngọ	90		0
		c Th			
		ùy			
41	K34	Pha Ánh	10. 7.44 9	240.1,20	
	.901	n	06.	0 000	0.00
	.010	Thị	90		0
42	K34	Ngu Dun	11. 7.37 9	240.1,20	
	.901	yễn g	12.	6 000	0.00
	.016	Thù	90		0
		y			
43	K34	Lê Dươ	08. 7.81 9	240.1,20	
	.901	Thị ng	03.	4 000	0.00
	.020	Thù	90		0
		y			
44	K34	Lê Hân	21. 7.44 8	240.1,20	
	.901	Thị g	03.	2 000	0.00
	.028	Thú	90		0
		y			
45	K34	Kiề Hà	08. 7.22 8	240.1,20	
	.901	u	07.	2 000	0.00

	.030	Thị	90		0
		Thu			
46	K34	Trà Hiề	29. 8.199	300.1,50	
	.901	n n	12.	7 000	0.00
	.037	Thị	90		0
		Ngọ			
		c			
47	K34	Ngu Huỳ	12. 7.308	240.1,20	
	.901	yễn nh	09.	0 000	0.00
	.042	Thị	90		0
		Như			
48	K34	Hoà Lin	21. 7.338	240.1,20	
	.901	ng h	11.	2 000	0.00
	.050	Ngọ	90		0
		c			
49	K34	Lê Nă	19. 7.308	240.1,20	
	.901	Thị m	07.	5 000	0.00
	.056		90		0
50	K34	Phạ Quy	28. 7.447	240.1,20	
	.901	m ên	02.	2 000	0.00
	.074	Thị	90		0
		Ngọ			
		c			
51	K34	Ngu San	02. 7.228	240.1,20	
	.901	yễn g	04.	1 000	0.00
	.076	Thị	90		0
		Ngọ			
		c			
52	K34	Hồ Thả	09. 7.378	240.1,20	
	.901	Thị o	08.	2 000	0.00
	.085	Phư	90		0
		ơng			
53	K34	Ngu Thù	02. 7.489	240.1,20	
	.901	yễn y	02.	0 000	0.00
	.093	Thị	90		0
54	K34	Ngu Anh	29. 7.378	240.1,20	
	.901	yễn	12.	6 000	0.00
	.007	Thị	89		0
		Vân			
55	K34	Đặn Hân	04. 7.789	240.1,20	
	.901	g N	11.	7 000	0.00
	.023	gọc	88		0
56	K34	Lê Hân	11. 7.378	240.1,20	
	.901	Thị g	08.	0 000	0.00
	.029	Thú	90		0
		y			
57	K34	Kim Khá	29. 7.448	240.1,20	
	.901	Ngâ nh	07.	6 000	0.00
	.045	n	89		0
58	K34	Lý Mi	06. 7.229	240.1,20	

	.901 Thụ	05.	1 000 0.00
	.054y X	89	0
	uân		
59	K34 Lê Quý	03. 7.63 9	240.1,20
	.901 Thị	12.	2 000 0.00
	.075 Ngộ	89	0
	c		
60	K34 Ngu Tra	02. 7.22 8	240.1,20
	.901 yễn ng	02.	2 000 0.00
	.099 Thị	90	0
61	K34 Bùi Trin	05. 7.44 9	240.1,20
	.901 Thị h	12.	5 000 0.00
	.102 Tuy	90	0
	ết		
62	K34 Ngu Vy	05. 7.52 9	240.1,20
	.901 yễn	06.	1 000 0.00
	.112 Thị	90	0
	Thả		
	o		